TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27/2024/QĐST-HNGĐ	***Y,*** *ngày 19 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X sinh năm 1982; địa chỉ xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Văn X1 sinh năm 1983; địa chỉ xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và X1 giải thành ngày 10/4/2024 là X1n toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và X1 giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Văn X1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con: Chị X và anh X1 có 02 con là cháu Phạm Quốc K sinh ngày 21/8/2012 và cháu Phạm Quang K1 sinh ngày 11/5/2019. Chị X và anh X1 thoả thuận giao cháu K cho anh X1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu X1 đủ 18 tuổi, giao cháu K1 cho chị X nuôi dưỡng cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi; chị X và anh X1 không pK1 cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu K được sống chung với anh X1 và chị X có quyền thăm nom cháu K; anh X1 không được cản trở chị X trong việc thăm nom cháu K.

Anh X1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu K1 được sống chung với chị X và anh X1 có quyền thăm nom cháu K1; chị X không được cản trở anh X1 trong việc thăm nom cháu K1.

Về tài sản: Chị X và anh X1 cùng trình bày vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị X và anh X1 thỏa thuận chị X chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001588 ngày 05/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, chị X được X1n lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND xã K K1
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực